

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-7-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Z, HA, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn 8, HA, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn C; sinh quán và nơi cư trú cuối cùng: Thôn Z, HA, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng, đã bị Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng tuyên bố mất tích theo Quyết định số 02/2021/QĐST-VDS ngày 31-3-2021; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Văn C ở Thôn Z, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng kết hôn với nhau vào ngày 24-5-2002 trên cơ sở tự

nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh Chung đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2018 đến nay không trở về. Sau khi anh Chung bỏ đi, chị đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả. Anh Chung bỏ đi biệt tích không có tin tức gì nên chị đã có đơn yêu cầu tuyên bố anh Chung là người mất tích. Tại Quyết định số 02/2021/QĐST-VDS ngày 31-3-2021 Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng đã tuyên bố anh Phạm Văn C là người mất tích. Từ đó đến nay, anh Chung không trở về gia đình và địa phương. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn C.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn C có hai con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 18-8-2004 và Phạm Minh H, sinh ngày 10-7-2008. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự, Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn C. Về con chung: Giao hai con là Phạm Văn Đ, sinh ngày 18-8-2004 và Phạm Minh H, sinh ngày 10-7-2008 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Văn C có hộ khẩu thường trú tại Thôn Z, HA, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Anh Phạm Văn C là bị đơn đã bị Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng tuyên bố là người mất tích theo Quyết định số 02/2021/QĐST-VDS ngày 31-3-2021 đến nay không trở về và cũng không có tin tức gì. Tại phiên tòa, chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị N , bị đơn anh Phạm Văn C.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 24-5-2002 , là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh Chung đã bỏ nhà đi tháng 4/2018 đến nay không về gia đình. Ngày 31-3-2021 Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng đã tuyên bố anh Phạm Văn C là người mất tích theo Quyết định số 01/2021/QĐST-VDS. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chung. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Chung đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác anh Chung là người đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích. Vì vậy, yêu cầu của chị Phạm Thị N xin ly hôn với anh Phạm Văn C phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự, Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Văn C có hai con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 18-8-2004 và Phạm Minh H, sinh ngày 10-7-2008. Khi ly hôn, chị N đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu

cầu nuôi con của chị N , Hội đồng xét xử nhận định: Chị N có nơi ở và thu nhập ổn định, từ khi anh Chung bỏ đi, chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con, mặt khác cháu Phạm Văn Đ và Phạm Minh H đều có nguyện vọng được ở với chị N . Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần chấp nhận yêu cầu của chị N , giao cả hai con chung là Phạm Văn Đ và Phạm Minh H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn C.
2. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 18-8-2004 và Phạm Minh H, sinh ngày 10-7-2008 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017618 ngày 24 tháng 5 năm 2021. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB,
- Chi cục THADS huyện VB;
- UBND xã CM huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền